



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

*Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2013 kết thúc tại ngày 30/06/2013  
đã được soát xét*

Được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.Hồ Chí Minh-Tel: (84.8)38205944 fax: (84.8)38205942

E-mail: [infor@aascs.com.vn](mailto:infor@aascs.com.vn) Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I**

Địa chỉ: quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**MỤC LỤC**

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	01 - 02
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT</b>	03 - 03
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
- Bảng cân đối kế toán	04 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30



H \* S.Đ. H.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm 2013 kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0303141296 ngày 01 tháng 04 năm 2011.

### Lĩnh vực Kinh doanh

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 01 tháng 04 năm 2011 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

### QUY MÔ VỐN ĐẦU TƯ

Công ty liên doanh, liên kết	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	68.000.000.000 VNĐ	45,33%
Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	11.319.500.000 VNĐ	20,00%
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	30.000.000.000 VNĐ	25,00%

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2013 là 22.445.169.327 VND

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 là 143.369.222.804 VND.

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

### Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông Lê Xuân Qué	Thành viên
Ông Lê Văn Chung	Thành viên
Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Văn San	Thành viên



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Nguyễn Văn San	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Chung	P.Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Lịch	P.Tổng Giám đốc
Ông Đinh Hoài Ân	Giám đốc Tài chính
Ông Lê Xuân Định	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trương Công Khánh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Bà Lê Thị Ngọc An	Ủy viên

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2013 của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2013 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I phê duyệt báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2013 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 7 năm 2013

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch

Lê Thanh Thuận

Thay mặt Ban Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn San



Số 501 /BCKT/TC

# BÁO CÁO

## KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2013 của  
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2013 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I được lập ngày 25/7/2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2013 kết thúc cùng ngày kèm theo được trình bày từ trang 04 đến trang 30.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, Chúng tôi không thấy có sự kiện trọng yếu nào để Chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống kiểm toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2013-142-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.152.854.298.574</b>	<b>934.501.980.083</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01.</b>	<b>30.719.226.408</b>	<b>21.363.629.685</b>
1. Tiền	111		30.719.226.408	11.363.629.685
2. Các khoản tương đương tiền	112			10.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>568.223.949.176</b>	<b>478.786.032.634</b>
1. Phải thu khách hàng	131		498.837.781.222	399.649.597.430
2. Trả trước cho người bán	132		19.927.681.879	32.897.281.998
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>V.02.</b>	79.363.988.977	74.629.254.019
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(29.905.502.902)	(28.390.100.813)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>538.013.092.980</b>	<b>423.278.525.981</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.03.</b>	538.013.092.980	423.278.525.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.898.030.010</b>	<b>11.073.791.783</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		580.725.203	1.308.689.264
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.224.677.025	731.438.085
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		764.497.508	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.04.</b>	10.328.130.274	9.033.664.434

\* Mã số: N.030  
 TRÁC  
 DỊCH  
 TÀI CHÍNH  
 VÀ  
 P  
 QUẢN LÝ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>536.841.278.809</b>	<b>533.851.465.066</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>417.647.038.521</b>	<b>419.899.674.640</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05.	292.152.456.643	306.487.141.527
- Nguyên giá	222		360.530.487.713	363.071.807.791
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(68.378.031.070)	(56.584.666.264)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.06.	5.669.198.940	6.173.127.192
- Nguyên giá	225		10.120.565.166	10.120.565.166
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(4.451.366.226)	(3.947.437.974)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07.	66.741.688.708	66.757.304.746
- Nguyên giá	228		66.797.846.018	66.797.846.018
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(56.157.310)	(40.541.272)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08.	53.083.694.230	40.482.101.175
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.09.	<b>107.995.433.882</b>	<b>103.795.019.815</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		109.319.500.000	109.319.500.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(6.324.066.118)	(5.524.480.185)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.198.806.406</b>	<b>10.156.770.611</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	2.163.856.406	1.116.968.459
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		9.034.950.000	9.039.802.152
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.689.695.577.383</b>	<b>1.468.353.445.149</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.128.657.275.401</b>	<b>930.055.096.504</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.051.363.694.523</b>	<b>839.321.108.380</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	650.162.387.924	574.310.683.778
2. Phải trả người bán	312		345.731.045.701	205.417.791.302
3. Người mua trả tiền trước	313		13.301.090.276	26.207.686.231
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	3.432.315.018	7.369.905.104
5. Phải trả người lao động	315		8.363.990.439	12.226.406.428
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	25.125.538.771	10.310.761.371
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.247.326.394	3.477.874.166
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>77.293.580.878</b>	<b>90.733.988.124</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	76.885.489.414	90.332.395.574
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		408.091.464	401.592.550
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>561.038.301.982</b>	<b>538.298.348.645</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15.	<b>561.038.301.982</b>	<b>538.298.348.645</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.668.800.000	17.668.800.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.000.139.589	8.170.687.361
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.000.139.589	8.170.687.361
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		143.369.222.804	124.288.173.923
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.689.695.577.383</b>	<b>1.468.353.445.149</b>



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		244.810,38	263.328,42
- Euro (EUR)		2.038,35	1.943,81
- Nhân dân tệ (NDT)		7.853,00	8.060,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 7 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Trần Phước Minh

Lê Xuân Định

Nguyễn Văn San

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.16.	716.050.759.541	594.483.374.163
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.17.	5.715.827.025	4.927.105.600
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.18.	710.334.932.516	589.556.268.563
4. Giá vốn hàng bán	11	V.19.	621.053.586.067	490.043.461.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.281.346.449	99.512.806.925
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.20.	3.084.508.377	3.999.013.360
7. Chi phí tài chính	22	V.21.	30.012.643.121	47.015.541.989
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.985.713.260	38.859.788.280
8. Chi phí bán hàng	24		29.243.987.424	31.874.260.120
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.320.472.934	6.625.382.921
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.788.751.347	17.996.635.255
11. Thu nhập khác	31		503.211.856	2.928.905.932
12. Chi phí khác	32		800.229.971	953.822.382
13. Lợi nhuận khác	40		(297.018.115)	1.975.083.550
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.491.733.232	19.971.718.805
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.22	1.040.064.991	(470.153.031)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.498.914	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.445.169.327	20.441.871.836
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	V.23	591	538

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 7 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trần Phước Minh



Lê Xuân Định



Nguyễn Văn San



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)  
06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	659.430.655.023	820.658.361.003
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(621.792.241.103)	(455.181.998.887)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(49.498.480.390)	(35.183.818.970)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(28.115.144.144)	(40.748.589.869)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.557.907.337.088	1.586.002.260.063
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.556.730.588.254)	(1.909.042.552.022)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(38.798.461.780)</b>	<b>(33.496.338.682)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(9.303.275.000)	
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	7.222.048.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.	25	(5.000.000.000)	(100.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	150.568.545	966.075.189
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.930.658.455)</b>	<b>866.075.189</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	805.965.039.483	667.314.211.177
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(745.597.626.581)	(762.766.633.595)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(4.933.590.000)	(638.297.874)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(377.862.500)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>55.055.960.402</b>	<b>(96.090.720.292)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>9.326.840.167</b>	<b>(128.720.983.785)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>21.363.629.685</b>	<b>152.636.356.786</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	28.756.556	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>30.719.226.408</b>	<b>23.915.373.001</b>

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 7 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

  
Trần Phước Minh

  
Lê Xuân Định

  
Nguyễn Văn San



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0303141296 ngày 01 tháng 04 năm 2011.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 01 tháng 04 năm 2011 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

### II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

### IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày :	31/12/2012	: 20.828 VND/USD
	30/06/2013	: 21.135 VND/USD

Vào thời điểm cuối năm/ kỳ tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch vào thời điểm cuối năm/kỳ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10): tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm/kỳ.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định có định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hóa thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khóa sổ và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Đối với các tài sản cố định đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45/2013/TT-BTC thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày 10/6/2013.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

### - Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000002 ngày 08 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 51121000003 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống" với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo,

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY

Đơn vị tính: VNĐ

#### V.01 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
<b>TIỀN</b>	<b>30.719.226.408</b>	<b>11.363.629.685</b>
<b>a. Tiền mặt</b>	<b>3.522.398.451</b>	<b>562.258.080</b>
- Tiền mặt VND	3.280.819.611	298.722.243
- Tiền mặt ngoại tệ	241.578.840	263.535.837
<b>b. Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>27.196.827.957</b>	<b>10.801.371.604</b>
- Tiền gửi VND	22.181.975.954	5.501.509.831
- Tiền gửi USD	5.009.275.988	5.294.143.720
- Tiền gửi EUR	5.576.015	5.718.053
<b>c. Tiền đang chuyển</b>		
<b>- CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		<b>10.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương - An Giang		10.000.000.000
- Ngân hàng Công thương CN1 - TP. HCM		
<b>Cộng</b>	<b><u>30.719.226.408</u></b>	<b><u>21.363.629.685</u></b>

#### V.02 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	11.667.223	11.667.223
- Phải thu về cổ phần khác		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu khác	79.352.321.754	74.617.586.796
+ Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	11.345.909.494	9.151.111.330
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	4.196.705.222	4.196.705.222
+ Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	7.911.364.944	7.104.238.544
+ Công ty CP ĐTTC và truyền thông Quốc Tế	1.250.000.000	1.250.000.000
+ Công ty CP ĐT địa ốc & khoáng sản Châu Á	21.241.000	14.470.000
+ Ban Quản lý dự án huyện Lấp Vò (*)	53.435.870.900	52.609.431.900
+ Đối tượng khác	1.191.230.194	291.629.800
<b>Cộng</b>	<b><u>79.363.988.977</u></b>	<b><u>74.629.254.019</u></b>

(\*) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước cho Ban quản lý dự án để đền bù cho các hộ dân bị giải phóng mặt bằng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

06 tháng đầu năm 2013

**V.03 HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Hàng mua đang đi đường		2.610.000
- Nguyên liệu, vật liệu	26.709.516.701	7.291.409.068
- Công cụ, dụng cụ	534.226.040	403.722.687
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	239.483.372.399	168.907.432.883
<i>Trong đó: Nhà máy chế biến dầu cá</i>	<i>96.861.756.533</i>	<i>67.391.975.055</i>
- Thành phẩm	159.816.772.481	137.330.470.699
- Hàng hóa	108.958.509.121	108.958.509.121
- Hàng gửi đi bán	2.510.696.238	384.371.523
- Hàng hóa kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản		
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>538.013.092.980</u></b>	<b><u>423.278.525.981</u></b>

**V.04 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	91.385.928
- Tạm ứng	6.019.841.682	4.697.997.609
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.308.288.592	4.244.280.897
<b>Cộng</b>	<b><u>10.328.130.274</u></b>	<b><u>9.033.664.434</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

### V.05. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ	88.088.653.536	265.936.424.951	4.882.129.959	1.402.045.839	2.762.553.506	363.071.807.791	
Số tăng trong kỳ		70.000.000			366.777.000	436.777.000	
- Mua trong kỳ		70.000.000			366.777.000	436.777.000	
- Đầu tư XD CB hoàn thành							
- Tăng khác							
Số giảm trong kỳ		1.192.946.076	89.021.819	604.306.494	1.091.822.689	2.978.097.078	
- Thanh lý, nhượng bán							
- Phân loại lại tài sản		1.192.946.076	89.021.819	604.306.494	1.091.822.689	2.978.097.078	
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ	88.088.653.536	264.813.478.875	4.793.108.140	797.739.345	2.037.507.817	360.530.487.713	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	3.916.325.822	48.218.539.826	2.530.829.114	727.163.087	1.191.808.415	56.584.666.264	
Số tăng trong kỳ	1.177.664.538	11.696.298.473	287.517.944	113.244.492	239.592.311	13.514.317.758	
- Khấu hao trong kỳ	1.177.664.538	11.696.298.473	287.517.944	113.244.492	239.592.311	13.514.317.758	
- Tăng khác							
Số giảm trong kỳ		661.445.693	46.911.458	427.344.820	585.250.981	1.720.952.952	
- Thanh lý, nhượng bán							
- Phân loại lại tài sản		661.445.693	46.911.458	427.344.820	585.250.981	1.720.952.952	
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ	5.093.990.360	59.253.392.606	2.771.435.600	413.062.759	846.149.745	68.378.031.070	
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu kỳ	84.172.327.714	217.717.885.125	2.351.300.845	674.882.752	1.570.745.091	306.487.141.527	
Tại ngày cuối kỳ	82.994.663.176	205.560.086.269	2.021.672.540	384.676.586	1.191.358.072	292.152.456.643	





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

### V.06. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ			10.120.565.166			10.120.565.166	
Số tăng trong kỳ							
- Mua trong kỳ							
- Đầu tư XDCB hoàn thành							
- Tăng khác							
Số giảm trong kỳ							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ			10.120.565.166			10.120.565.166	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ			3.947.437.974			3.947.437.974	
Số tăng trong kỳ			503.928.252			503.928.252	
- Khấu hao trong kỳ			503.928.252			503.928.252	
- Tăng khác							
Số giảm trong kỳ							
- Chuyển sang BDS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ			4.451.366.226			4.451.366.226	
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu kỳ			6.173.127.192			6.173.127.192	
Tại ngày cuối kỳ			5.669.198.940			5.669.198.940	

0501  
CÔNG  
TÁCH NHIỆ  
CH VỤ  
CHÍNH  
VÀ KIỂM  
PHÍA  
- TP.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

### V.07. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	66.734.346.018		63.500.000		66.797.846.018
Số tăng trong kỳ					
- Mua trong kỳ					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tặng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	66.734.346.018		63.500.000		66.797.846.018
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	35.249.602		5.291.670		40.541.272
Số tăng trong kỳ	12.441.036		3.175.002		15.616.038
- Khấu hao trong kỳ	12.441.036		3.175.002		15.616.038
- Tặng khác					
Số giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	47.690.638		8.466.672		56.157.310
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	66.699.096.416		58.208.330		66.757.304.746
Tại ngày cuối kỳ	66.686.655.380		55.033.328		66.741.688.708





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

### V.08. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2013	01/01/2013
<b>- Xây dựng cơ bản dở dang:</b>	<b>53.052.194.232</b>	<b>40.450.601.177</b>
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	25.730.006.490	25.730.006.490
+ Trạm dừng chân-bến xe Lấp Vò	90.318.182	90.318.182
+ Nhà máy đông lạnh	13.196.421.666	5.613.986.211
+ Khu liên hợp Công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI	454.545.455	454.545.455
+ Trung tâm thương mại H.Lấp Vò	6.410.042.217	1.390.884.617
+ Đất khu tái định cư	7.170.860.222	7.170.860.222
<b>- Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>31.499.998</b>	<b>31.499.998</b>
<b>Cộng</b>	<b>53.083.694.230</b>	<b>40.482.101.175</b>

### V.09. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ/ Số lượng	30/06/2013	01/01/2013
<b>- Đầu tư và công ty con</b>			
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>109.319.500.000</b>	<b>109.319.500.000</b>
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản	45,33%	68.000.000.000	68.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	20,00%	11.319.500.000	11.319.500.000
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	25,00%	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>5.000.000.000</b>	
- Công ty CP Nhựt Hồng	500.000 cp	5.000.000.000	
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>(6.324.066.118)</b>	<b>(5.524.480.185)</b>
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản			(2.580.864.576)
- Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á		(6.274.528.856)	(2.868.975.809)
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính		(49.537.263)	(74.639.800)
<b>Cộng</b>		<b>107.995.433.882</b>	<b>103.795.019.815</b>

### V.10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
- Công cụ, dụng cụ bộ phận sản xuất	2.163.856.406	1.100.812.529
- Công cụ dụng cụ khác		16.155.930
<b>Cộng</b>	<b>2.163.856.406</b>	<b>1.116.968.459</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

### V.11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
<b>- Vay ngắn hạn</b>	<b>650.162.387.924</b>	<b>574.310.683.778</b>
+ Ngân hàng Vietcombank - CN An Giang	300.914.954.909	312.095.175.447
+ Ngân hàng Đại Á TP.HCM	45.522.021.315	45.700.062.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - An Giang	27.517.770.000	13.179.693.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN An Giang	68.053.009.200	98.685.356.163
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN An Giang	20.500.950.000	20.196.370.000
+ CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Kiên Giang	96.153.682.500	79.623.555.168
+ Ngân hàng TMCP - Liên Việt CN An Giang		4.830.472.000
+ Ngân hàng Phát triển - CN An Giang	91.500.000.000	
<b>- Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
<b>Cộng</b>	<b><u>650.162.387.924</u></b>	<b><u>574.310.683.778</u></b>

### V.12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
- Thuế giá trị gia tăng	2.953.097.164	11.310.659.252
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	94.798.642
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.172.584	(4.278.538.522)
- Thuế thu nhập cá nhân	330.452.270	156.629.460
- Thuế tài nguyên	10.593.000	9.126.000
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		34.662.372
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		42.567.900
<b>Cộng</b>	<b><u>3.432.315.018</u></b>	<b><u>7.369.905.104</u></b>

5011  
CÔNG  
NHIỆM  
CH VỤ  
CHÍNH  
KIỂM  
PHÍA  
TP.H



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

### V.13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
- Tài sản thừa chờ giải quyết		154.582.518
- Kinh phí công đoàn	262.932.280	174.806.280
- Bảo hiểm xã hội	323.823.735	139.276.000
- Bảo hiểm y tế	53.565.750	27.000.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	22.050.000	11.914.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.318.222.692	6.453.861.480
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.144.944.314	3.349.321.093
+ Cổ tức phải trả	658.300.000	1.060.050.000
+ Công ty CP ĐT & XD Sao Mai tỉnh An Giang	343.221.025	220.184.025
+ Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	2.104.500	457.600
+ Cty CP XNK NS Thực phẩm An Giang	9.821.630.000	
+ Phải trả khác	4.319.688.789	2.068.629.468
<b>Cộng</b>	<b>25.125.538.771</b>	<b>10.310.761.371</b>

### V.14. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
<b>Vay dài hạn</b>	<b>31.496.478.514</b>	<b>40.009.794.674</b>
- Ngân hàng Ngoại thương chi nhánh An Giang	5.273.481.364	8.073.481.364
- Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn chi nhánh An Giang	26.222.997.150	31.936.313.310
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>45.389.010.900</b>	<b>50.322.600.900</b>
- Cty TNHH TV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	45.389.010.900	50.322.600.900
<b>Cộng</b>	<b>76.885.489.414</b>	<b>90.332.395.574</b>



11/01/2013 10:00 AM

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

### V.15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>5.684.612.005</b>	<b>7.635.964.465</b>	<b>7.635.964.465</b>	<b>127.303.298.055</b>	<b>545.928.638.990</b>
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước						36.589.044.556	36.589.044.556
Chia cổ tức						(38.000.000.000)	(38.000.000.000)
Trích lập các quỹ				534.722.896	534.722.896	(1.604.168.688)	(534.722.896)
Thù lao HĐQT							-
Tặng khác			58.234.605				58.234.605
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác			(5.742.846.610)				(5.742.846.610)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>-</b>	<b>8.170.687.361</b>	<b>8.170.687.361</b>	<b>124.288.173.923</b>	<b>538.298.348.645</b>
Tăng vốn trong kỳ						22.445.169.327	22.445.169.327
Lãi trong kỳ							-
Chia cổ tức						(5.488.356.684)	(5.488.356.684)
Trích lập các quỹ				1.829.452.228	1.829.452.228	(60.000.000)	(60.000.000)
Thù lao HĐQT						2.184.236.238	2.184.236.238
Tặng khác							-
Giảm khác							-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.139.589</b>	<b>10.000.139.589</b>	<b>143.369.222.804</b>	<b>561.038.301.982</b>



11/11/2013



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

**V.15. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>%</u>	<u>Đầu kỳ</u>	<u>%</u>
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các cổ đông	380.000.000.000	100%	380.000.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**V.15. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+Vốn góp đầu kỳ	380.000.000.000	380.000.000.000
+Vốn góp tăng trong kỳ		
+Vốn góp giảm trong kỳ		
+Vốn góp cuối năm	380.000.000.000	380.000.000.000
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia		38.000.000.000

**V.15. d) Cổ phiếu**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

**V.15. e) Các quỹ của công ty:**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	10.000.139.589	8.170.687.361
- Quỹ dự phòng tài chính	10.000.139.589	8.170.687.361
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
	<b>20.000.279.178</b>	<b>16.341.374.722</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

### V.16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	685.766.631.553	586.272.958.763
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.109.150.055	7.750.029.037
Doanh thu bất động sản đầu tư	7.174.977.933	460.386.363
<b>Cộng</b>	<b>716.050.759.541</b>	<b>594.483.374.163</b>

### V.17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
Giảm giá hàng bán		3.261.400.000
Hàng bán bị trả lại	5.715.827.025	1.665.705.600
<b>Cộng</b>	<b>5.715.827.025</b>	<b>4.927.105.600</b>

### V.18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	685.766.631.553	581.345.853.163
Doanh thu thuần dịch vụ	23.109.150.055	7.750.029.037
Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	1.459.150.908	460.386.363
<b>Cộng</b>	<b>710.334.932.516</b>	<b>589.556.268.563</b>

### V.19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	597.715.232.617	490.043.461.638
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.338.353.450	
<b>Cộng</b>	<b>621.053.586.067</b>	<b>490.043.461.638</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

### V.20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	150.222.367	966.075.189
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.000.000	
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.891.736.513	2.382.467.818
- Lãi bán hàng trả chậm	39.549.497	377.155.949
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		273.314.404
<b>Cộng</b>	<b>3.084.508.377</b>	<b>3.999.013.360</b>

### V.21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
- Lãi tiền vay	24.985.713.260	38.859.788.280
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.917.529.097	2.416.564.199
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.290.678.831	823.705.105
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	799.585.933	(468.155.069)
- Chi phí tài chính khác	19.136.000	5.383.639.474
<b>Cộng</b>	<b>30.012.643.121</b>	<b>47.015.541.989</b>

### V.22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.040.064.991	1.609.108.649
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		(2.079.261.680)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.040.064.991</b>	<b>(470.153.031)</b>

### V.23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	22.445.169.327	20.441.871.836
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	591	538

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

V.24. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ	Đơn vị tính: VND	
	06 tháng đầu năm 2013	06 tháng đầu năm 2012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	512.509.185.222	390.672.411.615
Chi phí nhân công	35.425.263.725	24.873.584.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.043.705.261	11.726.996.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.776.006.965	7.393.101.623
Chi phí khác bằng tiền	1.333.474.021	1.625.972.863
<b>Cộng</b>	<b>577.087.635.194</b>	<b>436.292.067.533</b>

## VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. ÁP DỤNG QUY ĐỊNH KẾ TOÁN MỚI

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VI.5 đến VI.8 dưới đây.

- Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

### 2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### 2.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

#### 2.2 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CPĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Cổ đông lớn
Cty CPĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết
Cty CPĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Công ty liên kết
Cty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	Công ty liên kết
Cty TNHH Dũng Thịnh Phát	Công ty con của cổ đông lớn
Cty CPĐT TC và Truyền thông Quốc tế	Công ty liên kết của cổ đông lớn



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Cty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	- Nhận ủy thác xuất khẩu	289.670.323.240
	- Mua thức ăn thủy sản	72.886.214.674
	- Nhận nợ các công trình xây dựng cơ bản	43.043.179.000
	- Bán cá thành phẩm	355.374.829.000
	- Dịch vụ ủy thác XK, thu hộ phí vận chuyển	16.946.878.485
Cty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	- Cho mượn	1.200.000.000
Cty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Nhận ủy thác xuất khẩu	126.911.291.974
	- Mua mỡ cá nguyên liệu	20.337.799.900
	- Bán phụ phẩm cá tra	87.927.042.784
	- Dịch vụ ủy thác XK, thu hộ phí vận chuyển	6.192.742.685
	- Điều chuyển vốn lưu động	70.200.000.000

Cho đến ngày 30/06/2013, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu (VND)
Cty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Bán cá thành phẩm, phí UTXK & vận chuyển	132.199.461.270
	Cho mượn	48.629.450
	Chi hộ phí hoa hồng	11.166.332.184
	Phải thu khác	73.122.360
	Phải thu tiền bảo hiểm	57.825.500
Cty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Bán phụ phẩm, phí UTXK	24.277.269.722
	Cho mượn	6.627.004.111
	Chi hộ phí hoa hồng	1.273.913.378
	Phải thu tiền bảo hiểm	12.094.455
	Ứng trước tiền hàng	4.950.404.762
Cty CP ĐTTC và Truyền thông Quốc tế	Cho mượn	1.250.000.000
Cty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	Cho mượn	4.011.372.222
	Phải thu khác	185.333.000
Cty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Phải thu khác	14.470.000
	Phải thu tiền bảo hiểm	6.771.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
		Giá trị khoản phải trả (VND)	
Cty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Bảo hiểm XH đóng dùm	343.221.025	
	Ủy thác xuất khẩu	238.578.414	
	Xây dựng cơ bản	45.058.986.513	
	<i>Trong đó: phải trả tiền xây dựng nhà máy chế biến dầu cá</i>	32.846.200.000	
Cty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Bảo hiểm XH đóng dùm	2.653.500	
	Ủy thác xuất khẩu	30.549.824.117	
	Tiền thuê đất	1.200.000.000	
Cty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	Dịch vụ đo đạc khảo sát địa hình	99.350.000	

### 3. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### Khu vực địa lý

Tại ngày 30/06/2013, Công ty có trụ sở tại Tỉnh Đồng Tháp và không có chi nhánh. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán chế biến thủy hải sản.

### 4. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất làm trụ sở hoạt động chính tại QL 80, cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp với thời hạn thuê đất là 50 năm.

### 5. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.719.226.408	21.363.629.685	30.719.226.408	21.363.629.685
Phải thu khách hàng	498.837.781.222	399.649.597.430	498.837.781.222	399.649.597.430
Các khoản phải thu khác	79.363.988.977	74.629.254.019	79.363.988.977	74.629.254.019
<b>Cộng</b>	<b>608.920.996.607</b>	<b>495.642.481.134</b>	<b>608.920.996.607</b>	<b>495.642.481.134</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	727.047.877.338	664.643.079.352	727.047.877.338	664.643.079.352
Phải trả cho người bán	345.731.045.701	205.417.791.302	345.731.045.701	205.417.791.302
Các khoản phải trả khác	25.125.538.771	10.310.761.371	25.125.538.771	10.310.761.371
<b>Cộng</b>	<b>1.097.904.461.810</b>	<b>880.371.632.025</b>	<b>1.097.904.461.810</b>	<b>880.371.632.025</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

### 6. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 7. RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Dưới 01 năm	01 - 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Vay và nợ	650.162.387.924	76.885.489.414		727.047.877.338
Phải trả cho người bán	345.731.045.701			345.731.045.701
Các khoản phải trả khác	25.125.538.771			25.125.538.771
<b>Cộng</b>	<b>1.021.018.972.396</b>	<b>76.885.489.414</b>	-	<b>1.097.904.461.810</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2013

Đơn vị tính: VND

### 8. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

### 9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 kết thúc ngày 31/12/2012 và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30/06/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 7 năm 2013

Người lập biểu

Trần Phước Minh

Kế toán trưởng

Lê Xuân Định

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn San